

DIỄN ĐÀN "NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM"

CẢNG THỊ NƯỚC MẶN: MỘT THỜI LÀ CÁI NÔI SÁNG TẠO RA CHỮ QUỐC NGỮ

COMMERCIAL PORT NUOC MAN: ONCE THE CRIB
OF LATINIZED VIETNAMESE AND SCRIPT CREATION

NGUYỄN THỊ VÂN ANH

(ThS-NCS; ĐH KHXH & NV, ĐHQG TP HCM)

Abstract: Urban commercial port Nuoc Man in Binh Dinh was born in the early of seventeenth century. Three priests: 2 Italian, Gristophoro Borri and Fransesco Buzomi, and one Portuguese is Fransesco de Pina, these respectively came to Quang Nam, Da Nang from 1615 to 1617 on missions and got the help of the Hoai Nhon authority, they were welcome to Quy Nhon to help pick up the church, provide full life needs, so they had condition to combine with the local Confucians to Latinize Vietnamese into Business writing sermons and teach Vietnamese for Vietnamese overseas. One time, Nuoc Man is the crib of Latinized Vietnamese and script creation.

Key words: commercial port Nuoc Man; Latinize Vietnamese; script.

1. Chữ quốc ngữ ngày nay dồi dào khả năng phô diễn vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam, thể hiện phong phú mọi cung bậc tình cảm trong nói năng hàng ngày cũng như khi giao tiếp ngoài xã hội. Nó góp phần quan trọng tạo nên một nền văn học quốc ngữ hiện đại ngang tầm với các nền văn học khác trên thế giới. Có được như vậy, chúng ta không quên công lao của những người đã mở đầu việc La-tinh hóa tiếng Việt, sáng tạo ra chữ quốc ngữ để viết kinh giảng đạo và dạy tiếng Việt cho người nước ngoài ở Nước Mặn - một đô thị thương cảng phồn vinh vào đầu thế kỉ XVII của Bình Định và của cả Đàng Trong thời của Chúa Nguyễn.

2. Việc La-tinh hóa tiếng Việt và sáng tạo ra chữ quốc ngữ không phải là công lao riêng của một hay vài ba người mà là của nhiều người thực hiện trong quá trình lâu dài, tập hợp sáng kiến, trí tuệ của nhiều người, nhiều đời để hình thành, sửa đổi, tu chỉnh cho ngày càng hợp lí hơn. Cả đến ngày nay, chúng ta vẫn còn sửa đổi, bổ sung cho hoàn thiện. Trên quá trình hình thành lâu dài ấy, công lao mở đầu thuộc về tập thể bao gồm các nhà truyền giáo Dòng Tên đầu tiên tới Đàng Trong như Fransesco Buzomi và Gristophoro Borri người Ý, Francisco de Pina người Bồ. (*)

Linh mục Buzomi sinh năm 1576 người Napoli nay thuộc nước Ý sang phương Đông truyền đạo, đã là giáo sư thần học ở Macao tới Đàng Trong năm 1615. Linh mục Francisco de Pina còn trẻ là học trò của cha Buzomi về thần học, tới Đàng Trong năm 1616 và làm việc ở Nước Mặn 3 năm (từ năm 1617 đến năm 1620). Linh mục Gristophoro Borri giảng dạy môn Thiên văn học và toán học tại Đại học Coimbra nổi tiếng của Bồ Đào Nha. Tới Đàng Trong năm 1617 và ở Nước Mặn 5 năm từ 1617 đến 1622. Ông góp công khởi đầu hình thành chữ quốc ngữ từ năm 1618 đến năm 1620. Ông đã viết cuốn "Xứ Đàng Trong năm 1621" giới thiệu về con người và cảnh vật Đàng Trong, nhất là ở Nước Mặn.

Cả ba đều có trình độ học vấn cao thời bấy giờ được tri phủ Trần Đức Hòa đón vào Quy Nhon năm 1617, khi chúa Nguyễn Phúc Nguyên yêu cầu các thừa sai rời khỏi Quảng Nam- Đà Nẵng cho yên lòng dân chúng. Bởi vì "Đầu năm 1616, có xảy ra một thảm kịch nhưng do dân quy trách nhiệm cho các thừa sai đã đem đến hạn hán, mất mùa đói khát nên làm áp lực bắt nhà Vua phải trục xuất các thừa sai và đốt cháy nhà thờ Đà Nẵng" (1, 113). Vào Quy Nhon, các nhà truyền

giáo Dòng Tên được quan phủ Quy Nhơn cử mang, hết lòng giúp đỡ dựng nhà thờ truyền giáo thuận lợi trong một thời gian dài. Nhờ vậy, các nhà truyền giáo Dòng Tên mới có đủ điều kiện, yên tâm phối hợp với các nho sĩ Việt, các thông dịch viên và dân chúng ở Nước Mặn để tổ chức La-tinh hóa tiếng Việt nhằm viết kinh giảng đạo bằng tiếng Việt và dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

Tại sao vào Quy Nhơn, tới cư trú ở Nước Mặn, các thừa sai Dòng Tên lại được quan phủ Quy Nhơn rước tiếp nồng hậu như vậy?

Trước hết là Nguyễn Phúc Nguyên lúc này đã lên ngôi Chúa, thực hiện lời trời trăng của cha (Nguyễn Hoàng) quyết tâm cát cứ Đàng Trong chống lại Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Chúa Sãi tiếp tục chủ trương vừa nỗ lực phát huy nội lực vừa thu hút mạnh ngoại lực nhằm xây dựng lực lượng hùng mạnh. Muốn thu hút ngoại lực phải dựa vào cha cố người Ý, người Bồ để mở rộng việc buôn bán làm giàu cho Đàng Trong, dựa vào người Bồ, mở lò đúc vũ khí và mua đại bác của họ. Vì lúc này, Bồ Đào Nha là quốc gia hùng mạnh trên thế giới, có thương điếm trải dài khắp ven biển từ Âu sang Á.

Thứ hai là năm 1616, ở Quảng Nam - Đà Nẵng bị hán hán nặng, dân chúng phẫn nộ cho là vì nghe lời cha cố bỏ thờ cúng tổ tiên nên ông Trời quở phạt làm cho mất mùa, đói kém. Để trấn an lòng dân, Chúa Nguyễn Phúc Nguyên đành phải đưa cha cố Dòng Tên rời khỏi địa phận họ đang truyền giáo nhưng lại không muốn làm mất lòng cha cố. Người thực hiện ý đồ của Chúa Đàng Trong thời bất giờ không ai hơn quan phủ Quy Nhơn Trần Đức Hòa. Vì cha Trần Đức Hòa là người theo Nguyễn Hoàng vào Đàng Trong, từng được cử làm phó tướng tin cần phò tá Nguyễn Phúc Nguyên khi còn làm trấn thủ Quảng Nam, chưa lên ngôi Chúa. Cho nên, về sau Trần Đức Hòa được Chúa Sãi hết lòng tin cần, ra vào nơi cung cấm như người trong gia đình. Vì vậy, khi được Chúa giao việc, quan phủ Quy Nhơn mới ưu ái, chăm lo cho các cha cố chu đáo.

Và lại trong hai năm 1615, 1616 ở Quảng Nam - Đà Nẵng, các cha cố Dòng Tên chỉ mới học tiếng và làm quen với phong tục tập quán địa phương để truyền giáo qua thông dịch hay trốn

tránh, chưa có điều kiện để La-tinh hóa tiếng Việt. Chẳng hạn như khi bị trục xuất: “các thừa sai phải lên tàu về nước; do sóng gió liên tục, thuyền ra khỏi cửa biển phải quay trở lại; linh mục Pina được các giáo hữu Nhật ở Hội An đem về che giấu; còn linh mục Buzomi phải trốn tránh trong bụi rậm trên bờ biển và bị bệnh, rồi được quan trấn Quy Nhơn đem về chữa trị” [1, 93-94]. Và chỉ khi vào Nước Mặn, cha bề trên toàn Đàng Trong Francesco Buzomi và các cha cố Dòng Tên mới có đầy đủ điều kiện La-tinh hóa tiếng Việt để ghi kinh giảng đạo bằng tiếng Việt và dạy tiếng Việt cho người nước ngoài đến sau.

Khi vào Nước Mặn, các cha cố Dòng Tên đã thông thạo tiếng nói và làm quen với phong tục tập quán người Đàng Trong, lại có thêm một số người có chữ nghĩa cùng cộng tác, các cha cố mới soạn và phát hành một cuốn sách bốn bằng chữ Nôm gồm tất cả các mẫu nhiệm và giới răn của đạo Công giáo. Linh mục Trương Bá Cần nhận định: “Đây chắc chắn là công trình tập thể, trong đó có sự đóng góp chủ yếu của các thừa sai như Buzomi, Pina nhưng nếu không có những giáo hữu thông nho thì không làm sao có thể có được một cuốn giáo lý như vậy ở thời điểm sơ khai này” [1, 110]. Rất tiếc cuốn sách bốn đầu tiên này bị thất lạc qua bao thăng trầm lịch sử, qua bao cuộc chiến tranh chưa tìm lại được. Theo Linh mục Nguyễn Hồng: “Hoặc đầu tiên các thừa sai thảo bằng chữ quốc ngữ để các thầy giảng viết ra chữ Nôm, hoặc do các thầy viết, mà ta có thể đoán đó là trường hợp cha Buzomi và de Pina cho ra đời cuốn sách về đạo lý công giáo đầu tiên bằng tiếng Việt ở Nước Mặn” [2, 286-287]. Về sau, trước khi đoàn thừa sai gồm có Gaspar Louis, Antonio de Fontes, Emmanuel Gonsales (người Bồ), Jeroma Majorica (người Ý), Michael Machi (người Nhật) và Alexandre de Rhodes (người Pháp) đi cùng linh mục kinh lược Gabriel Mattos đến Đàng Trong cuối năm 1624 để mở đầu giai đoạn truyền giáo tiếp thì các thừa sai tiên khởi là Buzomi, Pina, Borri đã tiến hành La-tinh hóa tiếng Việt và viết cuốn sách bốn bằng chữ Nôm đầu tiên ở Nước Mặn.

Cha Alexandre de Rhodes tới Đàng Trong khi mới 31 tuổi, buổi đầu nghe phụ nữ nói ông tưởng chừng như nghe chim hót, như nghe ca hát và tự

nghe không bao giờ mong có thể học được. Nhưng nhờ thông minh lại được thừa sai Pina tới Đàng Trong trước cha 8 năm giỏi tiếng Việt dạy cho nên cha rất chóng tiến bộ. Sau 6 tháng, Alexandre de Rhodes đã giảng đạo bằng tiếng Việt và trở thành thừa sai thành thạo tiếng Việt nhất thời bấy giờ. Alexandre de Rhodes từng bộc bạch: “Hết các tiếng đều độc vận và chỉ phân biệt ý do nhiều giọng nói khác nhau. Một chữ “đại” chẳng hạn, có tới 23 nghĩa hoàn toàn khác nhau, do cách đọc khác nhau... Căn cứ vào đó thì thấy học thứ ngôn ngữ này không phải là dễ” [3, 55]. Alexandre de Rhodes thấy việc dùng thông ngôn để giảng đạo rất hạn chế, chỉ có cha Pina không cần dùng thông ngôn vì cha rất thông thạo tiếng Việt làm cho bài giảng có ích nhiều hơn các vị khác. Vì thế, Alexandre de Rhodes đã kiên tâm học tập, mỗi ngày học một bài, bốn tháng ông đã đủ khả năng ngồi tòa giải tội và sau 6 tháng đã giảng đạo được tiếng Đàng Trong.

Không ngờ người giúp cha Alexandre de Rhodes đắc lực học tập lại chính là một cậu bé Đàng Trong. Chỉ trong ba tuần lễ mà cậu đã dạy cho cha các dấu khác nhau và cách đọc các tiếng. Tuy đôi bên không biết tiếng của nhau, thế nhưng cậu biết những điều cha muốn nói. Cha sửng sốt trước sự thông minh và trí nhớ chắc chắn của cậu bé.

Sau nhiều năm truyền giáo ở Đàng Trong và Đàng Ngoài, về Roma, Alexandre de Rhodes đã tự soạn cuốn tự vị Việt - Bồ - La và cuốn sách bốn *Phép giảng tám ngày* bằng chữ quốc ngữ. Đáng chú ý là bản tuyên ngôn văn tắt về tiếng An Nam dày 31 trang đóng xen vào phần đầu của cuốn tự vị chia làm 3 chương ngắn. Hai chương đầu trình bày các mẫu tự và các dấu dùng trong việc phiên âm tiếng Việt, tiếp theo 5 chương về ngữ học, chương cuối cùng là văn tắt một vài ngữ pháp (2). Alexandre de Rhodes đã tạo nên bước tiến vượt bậc rất quan trọng trong La-tinh hóa tiếng Việt và hình thành chữ quốc ngữ. Khi soạn hai cuốn sách trên Alexandre de Rhodes không thể không chịu ảnh hưởng của việc La-tinh hóa tiếng Việt của các thừa sai tới trước như Bozumi và Pina mà ông ca ngợi là bậc thầy của mình. Song, ông đã hoàn thiện thêm một bước rất đáng quý nhờ cách làm sáng tạo của ông.

Quả là, Alexandre de Rhodes người có công làm giàu cho chữ quốc ngữ của chúng ta sau các thừa sai Francesco Buzomi, Francesco de Pina và Christophoro Borri - những người đã La-tinh hóa tiếng Việt, viết cuốn kinh đầu tiên bằng tiếng Việt (chữ Nôm) ở Nước Mặn năm 1621 trước ngày Alexandre de Rhodes đến Đàng Trong 4 năm. Rất tiếc, cuốn kinh này bị thất lạc chưa tìm ra mà chỉ còn lại kinh sách của Alexandre de Rhodes. Cho nên, khi viết về “*Nguyên nhân xa gần đưa đến việc Pháp đánh chiếm Việt Nam*”, các nhà nghiên cứu ở miền Nam trước năm 1975 đã có nhận định thỏa đáng: “nên người ta cho rằng Alexandre de Rhodes là “thủy tổ chữ quốc ngữ”, trong khi ông chỉ có công kế tục tu chỉnh và phong phú hóa chữ quốc ngữ mà thôi. Nhưng dầu sao chẳng nữa, ông cũng là một trong số các giáo sĩ sáng tạo ra chữ quốc ngữ của ta [4, 26].

3. Tất cả những điều trình bày trên, chúng tôi muốn góp thêm một ý kiến để tiếp tục nghiên cứu, đó là: Một thời (1617 - 1621), Cảng thị Nước Mặn ở xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định ngày nay một thời là cái nôi của La-tinh hóa tiếng Việt sáng tạo ra chữ quốc ngữ để viết kinh giảng đạo và dạy tiếng Việt cho người nước ngoài đến đây sau đó.

(*) Linh mục Trương Bá Cần ghi là: Francisco de Pina; linh mục Nguyễn Hồng ghi là: Franxico de Pina; linh mục Alexandre de Rhodes ghi là: Francois de Pina. Sở dĩ có sự khác nhau là vì mỗi linh mục ghi chép theo một thứ tiếng (Pháp hay Ý).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Bá Cần (1999), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, Nguyệt san Công giáo và dân tộc, số 50, Nhà in Lao Động.
2. Nguyễn Hồng (1959), *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam*, quyển 1, Ủy ban Đoàn kết Công Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà in Phước Sơn.
3. Alexandre de Rhodes (1959), *Hành trình và truyền giáo*, Ủy ban Đoàn kết Công Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà in Phước Sơn.
4. Nhiều tác giả, *Nguyên nhân gần xa đưa đến việc Pháp đánh chiếm Việt Nam*.



THÔNG BÁO SỐ 1
HỘI THẢO NGÔN NGỮ HỌC QUỐC TẾ LẦN THỨ II
NĂM 2015

Được sự cho phép của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học sẽ tổ chức Hội thảo Ngôn ngữ học Quốc tế lần thứ II với chủ đề:

“Ngôn ngữ học Việt Nam 30 năm đổi mới và phát triển”

Thời gian tổ chức: Ngày 23/08/2015

Mục tiêu Hội thảo: Hội thảo hướng tới việc tổng kết, đánh giá những thành tựu của ngành ngôn ngữ học Việt Nam sau 30 năm đổi mới và phát triển. Hội thảo tập hợp lực lượng các nhà nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ trên qui mô toàn quốc và quốc tế để nhìn nhận, đánh giá lại một cách toàn diện những vấn đề cơ bản và thời sự của ngôn ngữ học Việt Nam trong những năm qua, từ các vấn đề lí thuyết đến các vấn đề ứng dụng và định hướng phát triển của ngành ngôn ngữ học nước nhà trong những năm tới.

Hội thảo sẽ tập trung vào những nội dung khoa học chủ yếu sau đây:

- 1) *Những vấn đề cơ bản và thời sự về Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ nghĩa và Ngữ pháp*
- 2) *Những vấn đề cơ bản và thời sự về Phương ngữ học và Lịch sử tiếng Việt*
- 3) *Những vấn đề cơ bản và thời sự về Ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam*
- 4) *Những vấn đề cơ bản và thời sự về Ngôn ngữ học xã hội*
- 5) *Những vấn đề cơ bản và thời sự về Ngôn ngữ học ứng dụng*
- 6) *Những vấn đề cơ bản và thời sự về Ngôn ngữ và Văn hóa*

Quy cách trình bày báo cáo khoa học: Báo cáo được đánh máy vi tính trên khổ giấy A4, Font chữ Time New Roman, cỡ chữ 13, giãn dòng: 1,5. Đối với báo cáo có các kí tự đặc biệt (phiên âm tiếng dân tộc thiểu số hoặc ngôn ngữ khác...), tác giả cần gửi kèm Font chữ ghi các kí tự đặc biệt cùng báo cáo. Tóm tắt báo cáo không quá 300 chữ.

Cuối báo cáo xin ghi rõ các thông tin của tác giả: Họ tên; Chức danh khoa học; Học vị; Tên cơ quan đang công tác; Địa chỉ; Số điện thoại và Email để Ban Tổ chức tiện liên hệ.

Thời hạn gửi báo cáo:

*Thời gian đăng kí tham gia Hội thảo và gửi tóm tắt: **Trước ngày 31/05/2015***

*Thời gian gửi toàn văn báo cáo: **Trước ngày 15/07/2015***

Tóm tắt và toàn văn báo cáo xin gửi về:

Văn phòng Hội thảo:

Phòng 408, tầng 4, Viện Ngôn ngữ học
 Số 9, Kim Mã Thượng, Ba Đình, Hà Nội.
 Điện thoại: 04.37674574 Fax: 04.37674572
 Email: hoithaovienngonnguhoc2015@gmail.com

TM. BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO
TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC, VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGÔN NGỮ HỌC

GS.TS. Nguyễn Văn Hiệp



THÔNG BÁO SỐ 1

HỘI THẢO NGÔN NGỮ HỌC QUỐC TẾ LẦN THỨ II

NĂM 2015

Được sự cho phép của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam,
Viện Ngôn ngữ học sẽ tổ chức Hội thảo Ngôn ngữ học Quốc tế lần thứ II với chủ đề:
“Ngôn ngữ học Việt Nam 30 năm đổi mới và phát triển”

Thời gian tổ chức: Ngày 23/08/2015

Mục tiêu Hội thảo: Hội thảo hướng tới việc tổng kết, đánh giá những thành tựu của ngành ngôn ngữ học Việt Nam sau 30 năm đổi mới và phát triển. Hội thảo tập hợp lực lượng các nhà nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ trên qui mô toàn quốc và quốc tế để nhìn nhận, đánh giá lại một cách toàn diện những vấn đề cơ bản và thời sự của ngôn ngữ học Việt Nam trong những năm qua, từ các vấn đề lý thuyết đến các vấn đề ứng dụng và định hướng phát triển của ngành ngôn ngữ học nước nhà trong những năm tới.

Hội thảo sẽ tập trung vào những nội dung khoa học chủ yếu sau đây:

- 1) *Những vấn đề cơ bản và thời sự về Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ nghĩa và Ngữ pháp*
- 2) *Những vấn đề cơ bản và thời sự về Phương ngữ học và Lịch sử tiếng Việt*
- 3) *Những vấn đề cơ bản và thời sự về Ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam*
- 4) *Những vấn đề cơ bản và thời sự về Ngôn ngữ học xã hội*
- 5) *Những vấn đề cơ bản và thời sự về Ngôn ngữ học ứng dụng*
- 6) *Những vấn đề cơ bản và thời sự về Ngôn ngữ và Văn hóa*

Quy cách trình bày báo cáo khoa học: Báo cáo được đánh máy vi tính trên khổ giấy A4, Font chữ Time New Roman, cỡ chữ 13, giãn dòng: 1,5. Đối với báo cáo có các kí tự đặc biệt (phiên âm tiếng dân tộc thiểu số hoặc ngôn ngữ khác...), tác giả cần gửi kèm Font chữ ghi các kí tự đặc biệt cùng báo cáo. Tóm tắt báo cáo không quá 300 chữ.

Cuối báo cáo xin ghi rõ các thông tin của tác giả: Họ tên; Chức danh khoa học; Học vị; Tên cơ quan đang công tác; Địa chỉ; Số điện thoại và Email để Ban Tổ chức tiện liên hệ.

Thời hạn gửi báo cáo:

Thời gian đăng kí tham gia Hội thảo và gửi tóm tắt: Trước ngày 31/05/2015

Thời gian gửi toàn văn báo cáo: Trước ngày 15/07/2015

Tóm tắt và toàn văn báo cáo xin gửi về:

Văn phòng Hội thảo:

Phòng 408, tầng 4, Viện Ngôn ngữ học
Số 9, Kim Mã Thượng, Ba Đình, Hà Nội.
Điện thoại: 04.37674574 Fax: 04.37674572
Email: hoithaovienngonnguhoc2015@gmail.com

TM. BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO
TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC, VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGÔN NGỮ HỌC

GS.TS. Nguyễn Văn Hiệp